

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **309/2019/HNGĐ\_ST**

Ngày: 22/11/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Minh Nhựt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2328/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thúy H**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 43, tổ 14, KP5, P.Trảng Dài, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Trung T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 9C, KP4, P.Tân Phong, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh T có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Thúy H trình bày:*

Vào năm 2017, chị Trần Thị Thúy H và anh Huỳnh Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Ngày 23/8/2017, UBND phường Tân Phong, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175/2017 cho chị H và anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống. Hai bên đã nhiều lần tự hòa giải, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn chị H xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai bị đơn anh Huỳnh Trung T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng, nay anh T xác định không còn tình cảm với chị H nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn anh T xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Trung T đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

- Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị H, bị đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 01 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2017, chị Trần Thị Thúy H và anh Huỳnh Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Ngày 23/8/2017, UBND phường Tân Phong, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175/2017 cho chị H và anh T, đối chiếu các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H, anh T xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai không còn tình cảm với nhau. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý với yêu cầu này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Không có nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, chị H và anh T xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.
- Về án phí: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy H đối với bị đơn anh Huỳnh Trung T về việc tranh chấp ly hôn.

*Tuyên xử:*

Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1990 được ly hôn với anh Huỳnh Trung T, sinh năm 1988.

Về án phí: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000862 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị H đã nộp đủ án phí theo quy định.

Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- UBND phường Tân Phong;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Minh Nhựt**